TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trúc Linh

2. Ông Lê Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Kim Quang Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:85/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2021 về việc: "tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hùng D, sinh năm 1989. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh năm 1970 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã Z, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1943 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2021 nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: anh và chị Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 23/5/2019 tại Ủy ban

nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Đến năm 2020 thì chị T ngày càng lạnh nhạt với anh và có thái độ vô lễ với cha, mẹ của anh, mặc dù anh cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con khôn lớn nhưng chị T vẫn không để tâm gì đến anh. Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cần ly hôn với chị T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/9/2019, hiện tại đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh D, Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng chị Nguyễn Thanh T vắng mặt, nguyên đơn anh D có văn bản đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng nên không mở được phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Nguyễn Hùng D được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/9/2019 cho anh Nguyễn Hùng D nuôi, chị Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Hùng D nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Hùng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thanh T, địa chỉ: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hùng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Nguyễn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hùng D và chị Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 23/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, anh chị kết hôn cũng đảm B các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Hùng D cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Đến năm 2020 thì chị T ngày càng lạnh nhạt với anh và có thái độ vô lễ với cha, mẹ của anh. Xét lời trình bày của anh D cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Anh D hiện tại xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh D và chị T có một con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/9/2019 hiện anh D đang nuôi, anh D yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét thấy cháu Nguyễn Gia B hiện chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải giao cho người mẹ nuôi. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu nuôi con của anh D thì chị T không có ý kiến gì. Mặt khác, ông C là thân nhân của chị T cũng cho rằng nên giao cháu B cho anh D nuôi vì cháu B từ nhỏ sống bên gia đình anh D, anh D cũng đủ điều kiện nuôi cháu B hơn. Hiện tại cháu B cũng gần 36 tháng tuổi, từ đó

tiếp tục giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và hiện tại thu nhập của anh D đủ điều kiện đảm bảo nuôi cháu B nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh D nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hùng D

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Hùng D được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/9/2019 cho anh Nguyễn Hùng D nuôi, chị Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hùng D có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp theo biên lai thu số 0014221 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G,
(Giấy kết hôn số: 26, ngày 23/5/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.